

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 725/2023/DS-PT
Ngày: 10/7/2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thuý.

Bà Võ Thị Kim Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Từ ngày 04 tháng 7 năm 2023 đến ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa
án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ
lý số 210/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp về bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022
của Tòa án nhân dân Quận P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2524/2023/QĐPT-DS ngày
08/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đường B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Quang E, sinh năm 1975 (Có mặt). Địa
chỉ: Đường G ấp H, xã I, huyện K. Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy
quyền số công chứng 00021581 lập tại Phòng công chứng L ngày 26/10/2020).

Bị đơn: Phòng Công chứng M - Thành phố Hồ Chí Minh;

Trụ sở: Đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Hoàng Quảng Q, sinh năm 1973 (Có mặt). Địa chỉ: Đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2023).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Mạnh R, sinh năm 1973 – Công chứng viên Phòng Công chứng M – Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông R: Ông Trần Hoàng Quảng Q, sinh năm 1973 (Có mặt). Địa chỉ: Đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Văn A là người đã nhận chuyển nhượng của ông Lê Đỗ Hoài S đối với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số CH 16438 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 21/5/2013; căn nhà tọa lạc tại địa chỉ Cư xá T, Phường U, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng theo Hợp đồng số 02940 do Phòng Công chứng M công chứng ngày 06/02/2015. Sau khi ký kết hợp đồng công chứng, ông A đã giao toàn bộ số tiền 2.350.000.000 đồng cho ông S. Sau đó, ông A đã tiến hành nộp hồ sơ xin đăng bộ sang tên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận P và được cập nhật chủ sở hữu tại trang 3 của Giấy chứng nhận nêu trên.

Ngày 13/5/2015, ông A tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Phạm Văn V và bà Lê Thị X theo Hợp đồng chuyển nhượng số 09432 do Phòng Công chứng M công chứng ngày 13/5/2015. Tuy nhiên, sau đó ông V, bà X không đăng bộ sang tên được vì có đơn tranh chấp của ông Lê Đỗ Hoài S, với lý do ông S không đứng ra bán căn nhà trên cho ông A mà là một người khác giả mạo ông S để ký giấy tờ tại Phòng Công chứng M – Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 22/6/2020, Tòa án nhân dân Quận P đưa vụ án ra xét xử và tuyên 02 (hai) hợp đồng chuyển nhượng số 02940 và 09432 bị vô hiệu. Tiếp đến ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án nêu trên và tuyên y án sơ thẩm. Do đó, ông A yêu cầu Phòng Công chứng M – Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường cho ông A số tiền 2.350.000.000 đồng (là số tiền mà ông A đã thanh toán cho ông Lê Đỗ Hoài S giả), vì đã không làm hết trách nhiệm của Phòng công chứng trong giao dịch công chứng, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng số 02940 ngày 06/02/2015 theo quy định của pháp luật dẫn đến hợp đồng công chứng bị vô hiệu.

Bị đơn trình bày:

Hợp đồng công chứng số 02490 đã bị Tòa án nhân dân Quận P tuyên bố vô

hiệu theo Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DS-ST ngày 22/6/2020 và bản án phúc thẩm số 967/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, với lý do kẻ gian đã giả mạo ông Lê Đỗ Hoài S bằng cách làm giả chứng minh nhân dân của ông Lê Đỗ Hoài S, đánh tráo và chiếm đoạt bản chính Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK465836, sổ vào sổ cấp GCN CH16438 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho ông Lê Đỗ Hoài S ngày 21/5/2013, sau đó bán cho ông Phạm Văn A.

Vào thời điểm công chứng Hợp đồng số 02490, Phòng Công chứng M không thấy dấu hiệu giả mạo Chứng minh nhân dân của ông Lê Đỗ Hoài S, mặt khác các bên cũng không yêu cầu công chứng viên thực hiện việc xác minh hoặc giám định về giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ.

Việc chứng nhận Hợp đồng mua bán số 02940 đã được Phòng Công chứng M – Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện phù hợp với các trình tự và thủ tục theo quy định của Luật Công chứng năm 2014, theo yêu cầu và theo các giấy tờ do các bên tham gia hợp đồng xuất trình. Do đó, trước yêu cầu bồi thường của ông A thì Phòng Công chứng M đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Mạnh R, Công chứng viên Phòng Công chứng M - Thành phố Hồ Chí Minh cũng có ý kiến như phần trình bày của bị đơn.

Bản án sơ thẩm đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Phòng Công chứng M, Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Văn A số tiền 1.175.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), do việc công chứng hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất tại Cư xá T, Phường U, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có số công chứng số 02940, quyền số: 02 ngày 06/02/2015, giữa ông Lê Đỗ Hoài S (sinh năm 1984, CMND số 023548788) với ông Phạm Văn A (sinh năm 1990, CMND số 025428697);

Thời hạn bồi thường là sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm thi hành án:

Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Phòng Công chứng M, Thành phố Hồ Chí Minh, không chịu thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/9/2023, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị sửa nội dung án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu buộc Phòng Công chứng M bồi thường cho ông A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Lỗi dẫn đến thiệt hại là khi nguyên đơn phát hiện có khác số trong chứng minh nhân dân của ông S với số chứng minh nhân dân trong bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã báo cho công chứng viên, nên ngay lúc đó dừng lại việc công chứng; sau đó công chứng viên báo lại đã xác minh và yêu cầu tiếp tục ký công chứng. Việc thông báo sai sót chỉ có thông báo bằng miệng, nguyên đơn không làm đơn và công chứng viên cũng không có thông báo bằng văn bản đã xác minh lại. Do tin tưởng nên ông A đã ký tiếp hợp đồng chuyển nhượng. Khi ký công chứng hai bên chỉ ký số tiền chuyển nhượng là 02 tỷ đồng vì ông muốn giảm một phần tiền thuế. Số tiền ông giao cho ông S (giả) là 2.350.000.000đ, đề nghị phải bồi thường trên giá thực tế hai bên mua bán.

Phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Trong quá trình công chứng nguyên đơn và công chứng viên không có phát hiện sai sót số chứng minh nhân dân như nguyên đơn trình bày, đến khi có tranh chấp thì mới biết là có sai sót. Đây không phải lỗi của công chứng viên, nên phòng công chứng không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm, không đồng ý bồi thường.

Trong quá trình tham gia tố tụng và cung cấp hồ sơ công chứng cho cơ quan tố tụng, phòng công chứng thấy ông Phạm Văn A không phải là người mua ngay tình, mua nhà nhưng không có xem nhà, không có biên bản giao nhà, giao dịch chỉ trên giấy tờ.

Nay bị đơn đề nghị sửa án sơ thẩm: Hủy bỏ phần nội dung tuyên xử buộc Phòng Công chứng M bồi thường cho ông A. Nếu không sửa án đề nghị huỷ án sơ thẩm vì không đưa ông S thật vào tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Xét nguyên đơn khai có phát hiện ra sai sót trong chứng minh nhân dân của ông S và có báo cho công chứng viên, nhưng ông không có hành động gì để làm rõ số chứng minh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số chứng minh trong giấy chứng minh nhân dân của người bán có phải là một không. Do đó ông A cũng có lỗi trong thiệt hại này.

Tại thời điểm ký hợp đồng công chứng Hợp đồng mua bán nhà ở, bị đơn không phát hiện sai sót chứng minh nhân dân là thiếu kiểm tra dẫn đến hợp đồng vô hiệu gây thiệt hại là lỗi của Phòng Công chứng M.

Toà án sơ thẩm xác định lỗi của hai bên ngang nhau là có cơ sở.

Về giá tài sản xác định để bồi thường trong trường hợp này là 2 tỷ đồng, do đó ông A phải chịu thiệt hại 1 tỷ đồng và Phòng Công chứng M phải chịu trách nhiệm bồi thường 1 tỷ đồng cho ông A.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn cho rằng không đưa ông S thật vào tham gia tố tụng là thiếu sót, không làm rõ được nội dung vụ án. Xét tại bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DS-ST ngày 22/6/2020 và bản án phúc thẩm số 967/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật đã xem xét đầy đủ nội dung dẫn đến hai hợp đồng chuyển nhượng bị vô hiệu. Nên việc đưa ông S (thật) vào tham gia tố tụng là không cần thiết. Cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng công chứng số 02490 đã được Tòa án nhân dân Quận P tuyên bố vô hiệu theo Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DS-ST ngày 22/6/2020 và bản án phúc thẩm số 967/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, với lý do kẻ gian đã giả mạo ông Lê Đỗ Hoài S bằng cách làm giả chứng minh nhân dân của ông Lê Đỗ Hoài S, đánh tráo và chiếm đoạt bản chính Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK465836, số vào sổ cấp GCN CH16438 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho ông Lê Đỗ Hoài S (thật) ngày 21/5/2013, sau đó bán cho ông Phạm Văn A.

Nguyên đơn khởi kiện, cung cấp hợp đồng mua bán tay và kèm biên nhận tiền giữa ông Phạm Văn A và ông Lê Đỗ Hoài S (giả);

Căn cứ khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự cấp sơ thẩm xác định tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là phù hợp;

Căn cứ Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị quyết 03/2006/NQHĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xem xét bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phải xác định: có thiệt hại xảy ra, có hành vi trái pháp luật; có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật; có lỗi vô ý hay cố ý.

Về lỗi dẫn đến thiệt hại:

Theo nguyên đơn tại thời điểm công chứng thì có phát hiện sai số chứng minh nhân dân của ông S (giả) so với giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nên dẫn đến hợp đồng công chứng trên bị vô hiệu (đã được xem xét đánh giá theo bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020 ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận P và bản án dân sự phúc thẩm số 967/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và gây thiệt hại cho ông. Việc nguyên đơn cho rằng có thông báo cho bị đơn việc sai số chứng minh nhân dân của ông S nhưng không được bị đơn thừa nhận; không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện nguyên đơn có thông báo cho bị đơn sai số, có đơn yêu cầu xác minh sai số trong chứng minh nhân để xác định lại đúng đối tượng giao kết hợp đồng, bảo vệ quyền lợi của mình. Như vậy, trong giao dịch này lỗi một phần là của nguyên đơn.

Bị đơn cho rằng tại thời điểm công chứng, công chứng viên không phát hiện dấu hiệu giả mạo chứng minh nhân dân của ông Lê Đỗ Hoài S thật; các bên không yêu cầu công chứng viên xác minh hoặc giám định về giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ.

Xét giấy chứng minh nhân dân của ông Lê Đỗ Hoài S (giả) mang số 023548788, còn số chứng minh nhân dân ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Đỗ Hoài S là 023538788. Tuy nhiên, Công chứng viên Phòng Công chứng M, Thành phố Hồ Chí Minh đã thiếu kiểm tra tiến hành công chứng hợp đồng mua bán nhà ở, chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 02940 ngày 06/02/2015 dẫn đến hợp đồng bị Tòa án tuyên bố vô hiệu, ông Phạm Văn A đã thanh toán tiền chuyển nhượng cho ông Lê Đỗ Hoài S (giả) làm thiệt hại cho ông A.

Căn cứ Điều 40 Luật công chứng thì trong hồ sơ yêu cầu công chứng có bao gồm các giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng; công chứng viên kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng thì khi có sai sót trong chứng minh của ông S “...thì công chứng viên cần đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo yêu cầu của người đề nghị công chứng, công chứng viên xác minh hoặc yêu cầu giám định; trường hợp không làm rõ được thì có quyền từ chối công chứng...”.

Đây là lỗi vô ý của bị đơn và lỗi này cũng là một phần dẫn đến hậu quả không đúng đối tượng giao kết hợp đồng.

Căn cứ Điều 38 Luật Công chứng quy định về bồi thường bồi hoàn trong hoạt động công chứng thì bị đơn có trách nhiệm bồi thường khi có thiệt hại xảy ra.

Căn cứ Điều 617 Bộ luật dân sự 2005 thì người bị thiệt hại là nguyên đơn cũng có lỗi thì người gây ra thiệt hại chỉ phải bồi thường phần thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của mình.

Như vậy lỗi làm cho giao dịch vô hiệu giữa nguyên đơn, bị đơn là ngang nhau; cấp sơ thẩm xác định mỗi bên chịu thiệt hại là $\frac{1}{2}$ là có cơ sở.

Về số tiền thiệt hại để xác định trách nhiệm bồi thường:

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn khai do muốn giảm tiền nộp thuế nên giữa nguyên đơn và ông S (giả) nên thống nhất giá mua bán trên hợp đồng công chứng là 2 tỷ đồng;

Căn cứ theo hợp đồng công chứng số 02490, quyền số 02-455/02-15/1PCC7 thì giá trị ký kết hợp đồng chuyển nhượng giữa ông A và ông S (giả) là 2 tỷ đồng; nguyên đơn xuất trình hợp đồng mua bán tay và giấy giao nhận tiền giữa nguyên đơn và ông S (giả) số tiền là 2.350.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện công chứng viên biết được giá trị thực tế hai bên giao dịch.

Do đó, số tiền thiệt hại để xác định trách nhiệm bồi thường là theo hợp đồng công chứng đã ký là 2 tỷ đồng.

Từ những nhận định về lỗi dẫn đến thiệt hại đã phân tích trên, bị đơn có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn là 1 tỷ đồng.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Toà án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn nộp án phí trên yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn nộp án phí trên yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận là 01 tỷ đồng;

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 272, Điều 273, Khoản 2, khoản 3 Điều 296 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 604, Điều 605, Điều 617, Điều 618 Bộ Luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 35, Điều 36, Điều 38, Điều 40, Điều 41 Luật công chứng;

- Căn cứ Nghị quyết 03/2006/NQHĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 160/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận P Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Phòng Công chứng M, Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Văn A số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) do việc công chứng hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất tại Cư xá T, Phường U, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có số công chứng số 02940, quyền số: 02 ngày 06/02/2015, giữa ông Lê Đỗ Hoài S (sinh năm 1984, CMND số 023548788) với ông Phạm Văn A (sinh năm 1990, CMND số 025428697).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hành tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải nộp là 52.500.000đ (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do nguyên đơn đã nộp là 39.500.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010772 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn phải nộp thêm 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Bị đơn phải nộp là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn số tiền tạm ứng án phí do bị đơn đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0012404 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận P ;
- Tòa án nhân dân Quận P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà